

ĐỔI MỚI TOÀN DIỆN VÀ TRIỆT ĐỂ KHOA HỌC XÃ HỘI

PHẠM KHIÊM ÍCH^(*)

Vào thời điểm chuyển giao thế kỷ và thiên niên kỷ, UNESCO công bố một công trình đặc biệt, có tên là “*World Social Science Report*” (Báo cáo về khoa học xã hội thế giới), tiếng Pháp là “*Les sciences sociales dans le monde*” (Khoa học xã hội trên thế giới) (1). Sách cho ta một tổng quan về khoa học xã hội (KHXH) thế giới trong thế kỷ XX và xu hướng phát triển của nó vào những năm đầu thế kỷ XXI.

Cuốn sách gồm 38 chương, chia làm hai phần (*Toàn cảnh* và *Các vấn đề & ứng dụng*), đề cập đến tám chủ đề lớn: *Tổng kết và viễn cảnh; cơ sở hạ tầng và hoàn cảnh; dữ liệu và sử dụng dữ liệu; lĩnh vực chuyên nghiệp; khoa học và công nghệ trong xã hội; các chiều cạnh của phát triển; các KHXH và môi trường; các khoa học hành vi ứng xử và ứng dụng*.

Tổng kết lịch sử phát triển KHXH trong một trăm năm qua, các tác giả nhận định rằng: “Thế kỷ XX là thế kỷ của KHXH”. Nếu thế kỷ XIX đánh dấu sự kết thúc quá trình hình thành KHXH sau khi “đã vượt khỏi cái bóng của triết học và sử học để chiếm một chỗ đứng độc lập”, thì thế kỷ XX được coi là “giai đoạn KHXH đã thực sự chín muồi về trí tuệ, được thừa nhận rộng rãi về chính trị và thiết chế”.

Trong thế kỷ này KHXH phát triển mạnh mẽ về các mặt kiến tạo lý luận và phương pháp luận, thiết chế hoá, sản xuất dữ liệu, cũng như trở thành cơ sở của tri thức và nguồn thông tin thống kê, kỹ thuật đánh giá, quản lý và xác lập chính sách. Từ giữa thế kỷ XX KHXH mở rộng trên phạm vi thế giới, bắt rễ tại châu Mỹ Latin, châu Á và châu Phi. Ngày nay ở hầu hết các quốc gia trên thế giới, cả các nước công nghiệp phát triển cũng như các nước đang phát triển, KHXH đã xác lập vị trí của nó ở các trường đại học và các trung tâm nghiên cứu, đóng góp vào việc hoạch định chính sách, giải quyết các vấn đề xã hội và nâng cao phúc lợi của nhân dân.

Những điều trên đây chứng tỏ rằng KHXH đã giành được vị thế khoa học của nó trong xã hội. Từ lâu, khi nói đến “khoa học” người ta chỉ nghĩ đến khoa học tự nhiên (KHTN). Tính chất khoa học của KHXH đã bị nghi ngờ. Có người cho rằng các KHXH nhiều lắm cũng chỉ là những “khoa học mềm” (soft sciences), đối lập với “khoa học cứng” (hard sciences). KHXH chỉ

(*) PGS, nguyên Phó Viện trưởng Viện Thông tin KHXH.

“dựa trên những từ ngữ”, chứ không “dựa trên những dữ liệu” như KHTN.

Việc đối lập KHXH với KHTN như trên là không đúng. Bản thân KHXH cũng “dựa trên những dữ liệu”. Những dữ liệu kinh nghiệm về dân số, về kinh tế, về nhiều lĩnh vực hoạt động khác của xã hội loài người đã tồn tại rất lâu trước khi xuất hiện các KHXH. Đến thế kỷ XIX những môn khoa học về xã hội mới bắt đầu được xây dựng trên nền tảng những dữ liệu ấy. Đúng là có lúc, có nơi KHXH còn yếu kém, thường áp đặt các quy tắc, các quan niệm thiếu căn cứ xác đáng. Việc nghiên cứu xã hội thường được tiến hành theo cách diễn dịch từ những mệnh đề có sẵn. Nhưng nhìn chung KHXH hiện đại căn cứ vào sự quan sát kinh nghiệm có hệ thống về nhiều lĩnh vực đời sống xã hội. Các chuyên gia về KHXH ngày càng sử dụng nhiều phương pháp quan sát và thu thập dữ liệu mới, xây dựng các ngân hàng dữ liệu, làm cơ sở vững chắc cho nghiên cứu. Việc sử dụng các công cụ điện tử, mà tiêu biểu là Internet, đã mang lại những thay đổi lớn trong nghiên cứu KHXH, mở ra những triển vọng chưa từng thấy: “Mặc dù việc xuất hiện các nguồn thông tin điện tử mới dành cho nghiên cứu là một hiện tượng còn tương đối mới, nhưng nó đã gặt hái thành công một cách rất nhanh chóng và đầy đủ, khiến ta khó có thể hình dung các KHXH mà không có web”.

Ngày nay khó có thể phân biệt rạch ròi, hoặc cô lập KHXH với KHTN. Các KHXH, từ xã hội học, kinh tế học, chính trị học, đến tâm lý học, các khoa học hành vi ứng xử... đều nằm trong một dải liên tục những tri thức mà xét về một số khía cạnh này thì gần với

KHTN, còn về một số khía cạnh khác lại gần với triết học và văn hoá học, hay nhân văn học (humanities). Thông qua các lý thuyết, phương pháp và kỹ thuật khảo sát của mình, KHXH vừa tự phân biệt với KHTN, vừa tự phân biệt với triết học và nhân văn học, tuy vẫn tác động qua lại và liên quan nhiều mặt với các ngành ấy. Đây là lợi thế của KHXH, cho phép nó kết hợp nhiều cách tiếp cận khác nhau, nhờ đó sẽ thuận lợi hơn khi nghiên cứu tính phức hợp và tính bất định, gắn liền với những biến đổi chính trị, xã hội, kinh tế và văn hoá hiện thời.

Vị thế khoa học của KHXH được xác lập vững chắc trong xã hội không phải chỉ bằng việc khai thác và sử dụng các dữ liệu. Nhiều khi dữ liệu vẫn có thể được sử dụng sai lầm, bảo vệ cho những quan điểm lỗi thời, làm hỏng vai trò của KHXH. Ngày nay hơn bao giờ hết, mối quan tâm hàng đầu của KHXH là phát triển lý luận, tạo ra nền tảng vững chắc về tri thức luận và phương pháp luận để định hướng cho toàn bộ hoạt động của mình. Về mặt này những nghiên cứu về *hỗn độn và phức hợp* có ý nghĩa cơ bản.

Nhiều nhà nghiên cứu KHXH đã sớm phát hiện sự bất cập của những lý thuyết khoa học cũ trong việc giải quyết những vấn đề phức hợp của xã hội hiện đại (2). Khoa học cổ điển mang nặng tính chất cơ giới, hình dung thế giới như một cỗ máy tự động, phục tùng tất định luận và người ta có khả năng mô tả trọn vẹn nó dưới dạng những quy luật nhân quả, hoặc những định luật của tự nhiên, được gọi chung là “những quy luật khách quan bên ngoài ý thức con người”. Quan niệm này đã bị thực tế vượt qua từ lâu.

Ngày nay thế giới được quan niệm hoàn toàn khác. Thế giới ấy đầy biến động, hỗn độn, thăng giáng, khó có thể đoán định được tương lai. Có thể hình dung thế giới như một hệ thống phức hợp mà khoa học đang nỗ lực khám phá ra cơ chế vận động của nó. Đây là một hệ thống tự tổ chức, “đa trí tuệ”, không vận động theo tuyến tính. Đối với nó tương lai không phải là sự kéo dài của hiện tại và không thể đoán định được bằng phương pháp ngoại suy. Tương lai là bất định, các tình huống là không lặp lại, do vậy có thể có nhiều tương lai, nhiều hướng phát triển cho xã hội. Paul Valéry từng định nghĩa: “Tương lai là xây dựng” (*le futur est construction*). Tương lai hoàn toàn tùy thuộc vào hoạt động xây dựng của những con người tự do - tự do trong tìm tòi, sáng tạo, chuẩn bị cho tương lai. Trong triển vọng này, cốt lõi của KHXH là không gì thay thế được.

Hoạt động nghiên cứu KHXH ngày nay nổi bật cả về tính chất liên ngành và tính chất chuyên ngành sâu. Nghiên cứu liên ngành chỉ bắt đầu từ những năm 50 thế kỷ XX. Nó xuất phát từ những đòi hỏi của xã hội phải giải quyết những vấn đề phức hợp mà các khoa học chuyên ngành không thể đáp ứng được. Ngày nay nghiên cứu liên ngành phát triển mạnh mẽ, đem lại hiệu quả to lớn. Cố nhiên nghiên cứu liên ngành có liên quan mật thiết với nghiên cứu chuyên ngành. Không có nghiên cứu chuyên ngành sâu thì không thể tổ chức nghiên cứu liên ngành có hiệu quả. Tuy nhiên nghiên cứu liên ngành hiện đang gặp những khó khăn trở ngại lớn do tính cứng nhắc về thiết chế và cơ cấu của KHXH gây nên. Tại các cơ quan nghiên cứu và giảng dạy đại

học, các bộ môn (disciplines) KHXH vẫn tồn tại biệt lập, khép kín. Trong khi đó không ai có thể trả lời rõ ràng về những căn cứ để phân chia các bộ môn ấy. Chúng được xác định tùy theo đối tượng và lĩnh vực nghiên cứu, theo hệ phương pháp nghiên cứu, hay theo những căn cứ nào khác? Ngày nay định nghĩa về “KHXH”, hay “các KHXH” là một nhiệm vụ khó khăn. Trên thực tế các KHXH chỉ là một bản liệt kê các bộ môn khác nhau đặt bên cạnh nhau, chẳng hề có mối liên hệ hữu cơ nào. Số lượng các bộ môn càng không được xác định rõ. Ngay từ năm 1931 Max Horkheimer đã gọi đó là “sự chuyên môn hoá hỗn độn” của các KHXH. Khắc phục tình trạng này, ông đề ra Chương trình nghiên cứu có tính liên ngành mà ông là người chủ trì tại Viện nghiên cứu xã hội ở Frankfurt (Đức). Chương trình của Horkheimer vừa chú trọng việc chuyên môn hoá cần thiết, trong khi vẫn giữ một cách nhìn tổng thể, bảo đảm tính chặt chẽ trong phân tích xã hội đương đại. Đầu những năm 50 của thế kỷ XX, người đồng tác giả với Horkheimer là Theodor Adorno đã đề ra quan niệm mới, quan niệm “phi bộ môn” (*non disciplinaires*) của các KHXH. Điều này không có nghĩa là Adorno phủ nhận hoàn toàn cơ cấu của các KHXH. Trái lại ông cho rằng cơ cấu đó phải linh hoạt, làm cho KHXH hướng vào người sử dụng, đáp ứng tốt nhất yêu cầu về tri thức của những người sử dụng.

Quan niệm cứng nhắc về cơ cấu KHXH đã cản trở sự cộng tác giữa các nhà nghiên cứu, nhất là cộng tác về nghiên cứu liên ngành. Nhiều nhà KHXH đã đặt vấn đề “cơ cấu lại KHXH” (*restructuring social sciences*) (3). Nhằm đẩy mạnh việc nghiên cứu KHXH, tạo ra

những tri thức phức hợp, nhiều nước đã đề ra các chương trình nghiên cứu liên ngành và thành lập các trung tâm nghiên cứu đa ngành.

Quan niệm cơ cấu phi bộ môn của các KHXH đã được chấp nhận làm cơ sở cho việc biên soạn cuốn sách này. Những năm 70, UNESCO đã xuất bản bộ sách lớn *“Những xu hướng chính trong nghiên cứu KHXH và nhân văn”* (Tendances principales de la recherche dans les sciences sociales et humaines) gồm 3 tập từ 1970 đến 1978. Trong tập I về KHXH có giới thiệu từng môn khoa học: xã hội học, chính trị học, tâm lý học, kinh tế học, dân số học, ngôn ngữ học v.v. Ba mươi năm sau, cuốn sách này không giới thiệu bất kỳ môn khoa học cụ thể nào, mà chỉ trình bày về KHXH nói chung qua tám chủ đề lớn như đã nói trên đây. Cần nói thêm rằng trong bản gốc bằng tiếng Anh, *KHXH* dùng theo số ít (World *Social Science* Report) chứ không theo số nhiều như bản tiếng Pháp (Les sciences sociales dans le monde).

Hoạt động KHXH được tiến hành tại các nước và các khu vực trên thế giới. Để có bức toàn cảnh thế giới, phải giới thiệu được những nét lớn của khoa học này ở các nước và các khu vực, bắt đầu từ các nước thuộc Tổ chức Hợp tác Phát triển Kinh tế (OCDE). OCDE không phải là khu vực địa lý, mà là khu vực kinh tế gồm 29 nước thuộc khắp các châu lục: Hoa Kỳ, Canada, Mexico, Pháp, Anh, Đức, Italia, Austria, Bỉ, Luxembourg, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Đan Mạch, Iceland, Ireland, Hà Lan, Phần Lan, Na Uy, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Hungary, Ba Lan, Czech, Hy Lạp, Thổ Nhĩ Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia, New

Zealand. OCDE rất coi trọng KHXH, đầu tư lớn về nhân lực, cơ sở hạ tầng, nguồn tài chính, nâng cao chất lượng nghiên cứu, tạo ra phần lớn các sản phẩm KHXH thế giới và áp dụng chúng có hiệu quả. Cùng với OCDE là Liên bang Nga, Trung Quốc trong khu vực Đông Á, Ấn Độ trong Nam Á, các khu vực Mỹ Latin, châu Phi, Trung Đông, Thái Bình Dương v.v... Sự nổi lên của nhiều cộng đồng khoa học mới đó đã giúp cho KHXH dần dần khắc phục các quan niệm coi “Châu Âu là trung tâm” và “nước Mỹ là trung tâm”. Từ đó rút ra kết luận: “Giờ đây mọi người đều lĩnh hội được một điều là chỉ có thể hiểu được thế giới này nếu xuất phát từ nhiều quan điểm khác nhau”. Hơn nữa các nước công nghiệp phát triển cần tăng cường giúp đỡ các nước đang phát triển, nhất là trong việc nâng cao chất lượng phương pháp thu thập, phân tích dữ liệu và phương pháp so sánh.

Bước vào thế kỷ XXI, KHXH đứng trước hàng loạt vấn đề mới mà nhân loại đang quan tâm sâu sắc. Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và các khoa học về sự sống dẫn đến những hệ quả xã hội gì? Mối quan hệ giữa toàn cầu hoá và lợi ích các quốc gia phải được giải quyết như thế nào cho công bằng và nhân đạo? Các KHXH có thể đóng góp như thế nào vào một cách tiếp cận tổng thể đối với môi trường và phát triển để tạo nên sự phát triển bền vững? Trong số những vấn đề đặt ra trước KHXH, nổi bật hơn cả là vấn đề *khoa học với dân chủ* và vấn đề *khoa học hành vi ứng xử*. Cả hai điều liên quan trực tiếp đến chất lượng cuộc sống của con người.

Khoa học và dân chủ đều nổi lên từ hai cuộc tìm kiếm vĩnh cửu của con

người. Cuộc tìm kiếm thứ nhất là tìm kiếm tri thức để hiểu biết thế giới và hiểu biết chính mình. Cuộc tìm kiếm thứ hai là tìm kiếm về trật tự cho sự cùng tồn tại và hợp tác giữa người với người. Vào đầu thế kỷ XXI, nhân loại đang tiến tới xã hội tri thức và nền dân chủ suy lý (démocratie discursive). Ở đó khoa học và dân chủ hoà hợp với nhau một cách tự nhiên và phát triển cao. Khoa học được đặt dưới quyền kiểm soát dân chủ. Tình trạng quan liêu, quản lý chuyên chế đối với hoạt động khoa học bị gạt bỏ. Trong hệ thống chính trị cởi mở, dân chủ, có sự đối thoại thường xuyên giữa những nhà nghiên cứu và những người ra quyết định. Những nhà lãnh đạo và quản lý biết lắng nghe và thấu hiểu những thông điệp mà KHXH gửi tới. Các nhà khoa học phát huy mạnh mẽ vai trò giám sát và phản biện xã hội của mình.

KHXH phải nghiên cứu con người và hành vi ứng xử của con người. Các khoa học hành vi ứng xử (Behavioural Sciences) được phát triển mạnh mẽ ở Hoa Kỳ từ những năm 50 thế kỷ XX. Trước đó rất lâu, năm 1913 John Watson đã công bố bài *“Tâm lý học dưới tầm nhìn của những người theo thuyết hành vi ứng xử”* (Psychology as the behaviorist views it) được coi là *“Bản tuyên ngôn của thuyết hành vi ứng xử”* (Behaviourist manifesto), có ảnh hưởng lớn trong tâm lý học. Ngày nay các khoa học hành vi ứng xử sử dụng nhiều phương tiện hiện đại để nghiên cứu đời sống con người, nhất là bộ não. Các khoa học hành vi ứng xử đã hợp nhất với các KHXH thành *“Các KHXH và hành vi ứng xử”* (Social and Behavioural Sciences) có nhiệm vụ nghiên cứu “các quan hệ con người”

(human relationships). Đây là lĩnh vực tri thức rộng lớn, gồm những bộ môn chuyên sâu “có liên quan đến con người, văn hoá và những quan hệ của con người với môi trường” (4).

Trong cuốn *“Phân loại chuẩn quốc tế về giáo dục”* (The International Standard Classification of Education-ISCED) bản sửa đổi tháng 11/1999, UNESCO chính thức đưa vào mục *“Các KHXH và hành vi ứng xử”* thay cho *“các KHXH”* và *“các khoa học hành vi ứng xử”* trong ISCED xuất bản lần đầu năm 1977. Theo sự phân loại mới năm 1999 này, các KHXH và hành vi ứng xử gồm 12 bộ môn: kinh tế học, lịch sử kinh tế, các khoa học chính trị, xã hội học, dân số học, nhân học (trừ nhân học thể chất), dân tộc học, tương lai học, tâm lý học, địa lý học (trừ địa lý tự nhiên), nghiên cứu về hoà bình và xung đột, nhân quyền. Riêng sử học vẫn còn được xếp vào nhân văn học, chứ không xếp vào KHXH như cuốn sách này.

Quan niệm mới trên đây về KHXH được thể hiện trong cuốn sách mà chúng tôi giới thiệu với bạn đọc. Chủ đề thứ tám của cuốn sách này chuyên đề cập đến *các khoa học hành vi ứng xử và ứng dụng*, trình bày những thành tựu của *khoa học nhận thức*, *sự tiến hoá của hành vi ứng xử xã hội* và *những chiều cạnh xã hội của y tế công cộng*.

Để giải quyết những vấn đề đặt ra trên đây và nhiều vấn đề khác, cần phải tiến hành nghiên cứu quốc tế và liên ngành, dựa trên sự liên kết các KHXH với KHTN, tạo ra *“một kiểu KHXH khác về chất cho thế kỷ XXI”*. Xây dựng một KHXH tổng thể, toàn cầu, chia sẻ một cơ sở chung về dữ liệu - đó là mục tiêu lớn mà cộng đồng quốc

tế đang nỗ lực thực hiện ở buổi bình minh thế kỷ này.

Cuốn sách này xuất bản bằng tiếng Việt vào lúc nước ta vừa gia nhập WTO. Giáo sư Phạm Duy Hiển đặt câu hỏi: “Bao giờ khoa học và đại học Việt Nam mới chịu gia nhập WTO?”. Ông khẳng định “KHXXH và nhân văn trên thế giới đã bứt phá ra khỏi các hệ tư tưởng để trở thành những động lực trực tiếp của nền kinh tế thị trường. Vậy tại sao nhiều người vẫn cứ xem đây như một vùng “cấm kỵ”. Nói không ngoa, giờ đây không phải KHXXH và công nghệ, mà chính là KHXXH và nhân văn với những tư duy và công cụ hiện đại mới là cái gì tối cần thiết đối với chúng ta” (5).

Chúng tôi trân trọng giới thiệu với bạn đọc cuốn sách này với hy vọng quý vị xem đây là lời mời gọi “gia nhập WTO”, hội nhập quốc tế về KHXXH. Chúng tôi nhận thức rằng đổi mới và hội nhập là một quá trình thống nhất. Không thể có cái này mà không có cái kia. Để đổi mới *toàn diện và triệt để KHXXH*, phải thay đổi cơ bản về nền tảng lý luận và phương pháp luận, về xây dựng và khai thác dữ liệu, về đầu tư nhân lực và tài chính, về hợp tác quốc tế trong nghiên cứu và giảng dạy v.v... Đặc biệt phải tạo ra bầu không khí thật sự tự do, dân chủ trong khoa học. Chỉ có như vậy, KHXXH Việt Nam mới khắc phục được sự tụt hậu ngày càng tăng và phát huy vai trò to lớn trong sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.

CHÚ THÍCH

1. Xem “Khoa học xã hội trên thế giới”. Chu Tiến Ánh và Vương Toàn dịch với sự cộng tác của nhiều dịch giả khác. Phạm Khiêm Ích biên tập và giới thiệu. H.: Đại học Quốc gia, Quý I/2007, 892 trang.
2. Xem Edgar Morin (chủ biên). Liên kết tri thức. Thách đố của thế kỷ XXI. Chu Tiến Ánh và Vương Toàn dịch. H.: Đại học Quốc gia, 2005. Bài giới thiệu “Cải cách giáo dục trước thách đố của thế kỷ XXI” của Phạm Khiêm Ích, tr.13 - 22; Edgar Morin. “Phương pháp 3. Tri thức về tri thức. Nhân học về tri thức”. Lê Diên dịch. H.: Đại học Quốc gia, 2006. Bài giới thiệu “Edgar Morin với sự hình thành tri thức luận phức hợp” của Phạm Khiêm Ích, tr.9-16.
3. Xem “Open the Social Sciences: Report of the Gulbenkian Commission on the Restructuring of the Social Sciences” (Mở cửa khoa học xã hội: Báo cáo của Ủy ban Gulbenkian về cơ cấu lại khoa học xã hội). Stanford Calif. Stanford University Press, 1996. Trích đăng trong sách “Khoa học xã hội trên thế giới” ở các trang 101 - 102, 105 - 106, 835 - 838.
4. Richard E.Gross. Social Sciences. The Encyclopedia Americana (Bách khoa thư Mỹ) 2001, tập 25, tr.130. Xem thêm Behavioural Sciences, tập 3, tr.467.
5. Phạm Duy Hiển. Bao giờ khoa học và đại học Việt Nam mới chịu gia nhập WTO?. Tạp chí *Tia Sáng*, số 22, tháng 11 - 2006, tr.3.